

**Bản án số: 09/2020/HNGĐ - ST**

**Ngày 10-02-2020**

“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Ông Nguyễn Quốc Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 777/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 82, ấp A, xã H, huyện L, Đồng Tháp.

(Chị X đề nghị xét xử vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Anh Lê Tuấn D, sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 50/5A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh D quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố Long Xuyên, đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị X và anh D. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thương yêu và tin tưởng nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị X và anh D có 01 con chung tên là La Thị Tuyết M, sinh ngày 17/8/2018. Hiện chị X đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Sau khi ly hôn, chị X yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

\* Tại bản văn bản trình bày ý kiến ngày 21/01/2020, bị đơn La Tuấn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh D và chị X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 đến năm 2017 đăng ký kết hôn và có 01 con chung sinh năm 2018, thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì vợ chồng có xung đột, nguyên nhân do anh D phát hiện chị X có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Trước khi đăng ký kết hôn với anh D thì chị X đã có chồng và có con riêng, việc làm thủ tục đăng ký kết hôn với không có xác nhận tình trạng hôn nhân của của cô X.

Về tài sản chung: Có 01 chiếc xe mô tô, hiện chị X đang sử dụng

Về nợ chung: Anh D và chị X có vay 10.000.000đ để chuộc xe, hiện vẫn còn đóng lãi hàng tháng.

### **Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:**

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị X và anh La Tuấn D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn đăng ký thường trú tại phường M, thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quá trình chuẩn bị xét xử và phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Như vậy, từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử vụ án bị đơn đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không lý do. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ trích lục kết hôn số 14/TLKH-BS (Đăng ký kết hôn số 14 ngày 03/02/2017) tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, điều này thể hiện nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thương yêu và tin tưởng nhau, điều này phù hợp với ý kiến của bị đơn về mâu thuẫn gia đình.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt

qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị X cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, anh D cho rằng chị X có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng không thể hiện ý kiến đồng ý và hay phản đối đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, đồng thời vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ nhau và thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị X và anh D có 01 con chung tên là La Thị Tuyết M, sinh ngày 17/8/2018. Chị X đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhưng anh D không có ý kiến phản đối. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc chăm sóc con chung chưa đủ 36 tháng tuổi cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của chị X. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị X và gia đình của chị X phải tạo điều kiện cho anh D được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung La Thị Tuyết M hàng tháng là 750.000đ (bảy trăm năm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lập nuôi sống bản thân. Việc cấp dưỡng nuôi con không cố định.

[4] Về tài sản chung: Chị X cho rằng không có tài sản chung, anh D cho rằng có 01 xe mô tô.

[5] Về nợ chung: Chị X cho rằng không có nợ chung, anh D cho rằng có vay 10.000.000đ để chuộc xe.

Xét thấy, đối với phần tài sản chung và nợ chung các bên trình bày không thống nhất nhưng anh D vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, không thể ý kiến đối với phần tài sản chung, nợ chung này, cũng như không cung cấp chứng cứ chứng minh và yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

\* **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị X.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân được ly hôn với anh La Tuấn D.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị X được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên La Thị Tuyết M, sinh ngày 17/8/2018. Chị X và gia đình của chị X phải tạo điều kiện cho anh D được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung La Thị Tuyết M định kỳ hàng tháng là 750.000đ (bảy trăm năm nghìn

đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lập nuôi sống bản thân. Việc cấp dưỡng nuôi con không cố định.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết, do các đương sự không yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết, do các đương sự không yêu cầu.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005899 ngày 13/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn La Tuấn D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[8] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

*(Giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục T.H. A dân sự TP.L;
- VKSND TPL;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- **UBND phường M, TP.L**
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Nam**